

Bản án số: **04/2020/HSST**
Ngày: **16/01/2020**.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thời** và bà **Nguyễn Thị Tươi**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 230/2019/HSST ngày 16 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1987. Đăng ký hộ khẩu và cư trú: Số 9A Hoàng Văn T, Phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Nguyễn Đình Ch (đã chết) và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966. Gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án: Bản án số 165/HSST ngày 31/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc (đã nộp tiền án phí hình sự 200.000đ ngày 01/11/2013; chấp hành xong hình phạt ngày 19/5/2014, chưa nộp tiền phạt bổ sung 3.000.000đồng). Nhân thân: Bản án số 231/HSST ngày 18/11/2010 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (bị cáo nộp tiền án phí hình sự, án phí dân sự ngày 06/01/2011 và chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 07/01/2012, đối với khoản tiền bồi thường cho người bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 198 ngày 09/6/2008 của Công an thành phố H về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 30

ngày 26/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:* Anh **Nguyễn Đình H3**, sinh năm 1997

Cư trú tại: Số 9A Hoàng Văn T, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966.

Cư trú tại: Số 9A Hoàng Văn T, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa;

2. Anh Ngô Văn C, sinh năm 1988

Cư trú tại: Số 303 Nguyễn Thị D, khu 5 phường Việt H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

** Người làm chứng:*

1. Bà Đinh Thu H4, sinh năm 1965;

Cư trú tại: Số 14 Hoàng Văn T, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Đoàn Thị C1, sinh năm 1957.

Cư trú tại: Số 24 Hoàng Văn T, phường Trần P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình H là anh trai của anh Nguyễn Đình H3, cả hai cùng ở nhà số 9A Hoàng Văn T, P.Trần P, Thành phố H, tỉnh Hải Dương. Khoảng 02giờ ngày 09/8/2019, anh H3 dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 34B3 - 326.xx của anh H3 tại tầng một rồi lên phòng ngủ ở tầng hai. Trước khi đi ngủ, anh H3 để chìa khóa xe mô tô trên và ví da đựng bên trong có Giấy đăng ký xe Honda SH, biển số 34B3-326.xx ở đầu giường. Đến khoảng 08 giờ 30phút cùng ngày, H ngủ dậy xuống tầng 1 thì thấy bà Nguyễn Thị H2 (là mẹ của H và anh H3) đang chuẩn bị đưa cháu đi học. H chờ bà H2 đi rồi lợi dụng lúc anh H3 đang ngủ, H lén lút vào phòng của anh H3, lấy chìa khóa xe và giấy đăng ký xe của anh H3 để trong ví rồi xuống tầng một, lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, biển số 34B3 - 326.xx rồi điều khiển xe máy đi đến nhà anh Ngô Văn C ở số 303 Nguyễn Thị D, P.Việt H, TP.Hải Dương (anh C làm nghề sửa chữa mua bán xe máy cũ) bán xe cho anh C lấy số tiền 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng chẵn*) và đã chi tiêu hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 68/KL-HĐĐG ngày 11/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc UBND thành phố H xác định giá trị xe mô tô Honda SH, màu đen, biển số 34B3 - 326.xx, số khung 1435FY025xx, số máy KF14E01225XX là 67.491.000đ (*Sáu mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*).

* *Về vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Ngày 27/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố H đã trả lại 01 xe mô tô biển số 34B3 - 326.xx kèm theo đăng ký xe cho anh Nguyễn Đình H3; Bà Nguyễn Thị H2 là mẹ của Nguyễn Đình H đã trả anh Ngô Văn C số tiền 65.000.000đồng. Anh H3, anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, bà H2 không yêu cầu H hoàn trả số tiền 65.000.000 đồng; Giấy bán xe mô tô Honda SH, biển số 34B3-326.xx, đề ngày 09/8/2019, người bán là Nguyễn Đình H hiện đang được quản lý tại hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Cáo trạng số 02/CT-VKSNDTPHD ngày 13/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Đình H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; Người bị hại là anh Nguyễn Đình H3 xác nhận đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô Honda SH, biển số 34B3-326.xx đầy đủ, nguyên vẹn, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bà Nguyễn Thị H2 tự nguyện cho bị cáo không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 65.000.000đồng (*Sáu mươi năm triệu đồng chẵn*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H từ 30 (*Ba mươi*) đến 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 03/10/2019; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết; Về xử lý vật chứng: Không phải giải quyết; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về chứng cứ xác định bị cáo có tội:* Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (bút lục số 36-45). Lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại (Bút lục số 46-54), lời khai của những người làm chứng (bút lục số 57-68) cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08giờ 30phút ngày 09/8/2019, tại nhà số 9A Hoàng Văn T, P. Trần P, Thành phố H, Nguyễn Đình H lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Đình H3 (là em trai của H) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển số 34B3-326.xx, trị giá tài sản chiếm đoạt là 67.491.000đ (*Sáu mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi một ngàn đồng*). Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo coi thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện. Việc bị cáo trộm cắp chiếm đoạt chiếc xe mô tô có trị giá 67.491.000đ, thuộc trường hợp qui định tại c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố H; HĐXX cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt biết tôn trọng, chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[3] *Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (được viết tắt là TNHS) của bị cáo thì thấy:* Bị cáo đã bị Tòa án xét xử nhiều bản án về nhiều tội danh khác nhau, trong đó có cả tội danh chiếm đoạt tài sản. Đối với Bản án số 165/HSST ngày 31/10/2013 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc (*ngày 01/11/2013 đã nộp án phí, ngày 19/5/2014 chấp hành xong hình phạt tù, chưa nộp tiền 3.000.000đồng phạt bổ sung*). Mặc dù bị cáo đã nộp tiền án phí và chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa chấp hành khoản tiền phạt bổ sung nên xác định bị cáo chưa được xóa án tích đối với bản án này. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” được qui định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn, đồng thời tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đó là các tình tiết giảm nhẹ

TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Người bị hại anh Nguyễn Đình H3 xác định đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH, màu đen, biển số 34B3-326.xx, nguyên vẹn, không bị hỏng hóc gì và không yêu cầu bồi thường dân sự nên không phải giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ của bị cáo xác định đã bỏ ra số tiền 65.000.000đ để chuộc chiếc xe mô tô để trả lại cho người bị hại là anh H3, nhưng bà tự nguyện cho bị cáo không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về vật chứng*: Đối với chiếc 01 xe mô tô biển số 34B3 - 326.xx, nhãn hiệu Honda, loại xe SH màu đen; số khung 1435FY025xx, số máy KF14E01225XX, xuất xứ Việt Nam, xe cũ đã qua sử dụng; 01 Giấy đăng ký xe mô tô Honda SH, biển số 34B3 - 326.xx mang tên đăng ký Nguyễn Đình H3. Cơ quan CSĐT-Công an thành phố H đã trả lại cho người bị hại nhận đầy đủ, anh H3 không có yêu cầu bồi thường gì nên không phải giải quyết.

[7] *Về án phí*: Bị cáo phạm tội nên buộc phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình H 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 03/10/2019.

3. Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo và người bị hại đều có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà H2) có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan của bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố H;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT- Công an Thành phố H;
- Cơ quan THAHS-Công an Thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Tố Uyên